TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **18**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01/2024

V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Sâm**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Ông Đỗ Duy Hừng**
2. **Ông Trần Văn Nhu**
- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Luân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày **11** tháng **01** năm **2024** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 625/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2023 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/12/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Chị Phạm Kim N**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: **Anh Lý Quan T**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N có mặt; anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 16/10/2023 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Kim N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết trước nên chị N và anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2022 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hậu Mỹ Bắc A, sau đó anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 7/2023 thì phát sinh mâu

thuẫn cự cãi, nguyên nhân do anh T không quan tâm chăm sóc vợ con, gây nợ nần nhiều nơi, chị N phải đứng ra trả nợ nhiều lần. Do chị N không còn tình cảm gì với anh T, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn đoàn tụ lại được nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lý Phúc Thịnh, sinh ngày 23/3/2023 khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lý Quan T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị N và không có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn và nuôi con chung với anh T, bị đơn anh T có nơi cư trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Lý Quan T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là có căn cứ đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết trước nên chị N và anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2022 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hậu Mỹ Bắc A. Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 7/2023 thì phát sinh mâu thuẫn cự cãi, nguyên nhân do anh T không quan tâm chăm sóc vợ con, gây nợ nần nhiều nơi chị N đã phải đứng ra trả nợ nhiều lần, mặc dù chị N đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được nên vợ chồng đã ly thân cắt đứt quan hệ vợ chồng từ 7/2023 cho đến nay, do không còn tình cảm nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T.

Xét, sau khi Toà án thụ lý vụ án đã tống đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng cho anh T để thông báo về yêu cầu ly hôn của chị N, nhưng anh T không có ý kiến gì và không có mặt tham gia các phiên hoà giải và tham dự phiên tòa, nên không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Anh T không đến dự phiên toà là anh mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Mặc dù, Tòa án đã động viên, hòa giải nhưng chị N vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh T. Từ những tình tiết này, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định tình T hôn nhân giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Lý Phúc Thịnh, sinh ngày 23/3/2023 khi ly hôn chị N yêu cầu tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Xét, anh T không có ý kiến hay yêu cầu về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, từ khi chị N và anh T sống ly thân cho đến nay con chung do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đã ổn định cuộc sống và đảm bảo tốt về mọi mặt. Mặc khác, cháu Thịnh dưới 36 tháng tuổi. Do đó, để ổn định cuộc sống cho con chung nên cần giao cháu Thịnh cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N, căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án nên chị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Kim N được ly hôn với anh Lý Quan T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lý Phúc Thịnh, sinh ngày 23/3/2023 cho chị Phạm Kim N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lý Quan T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không có yêu cầu. Anh T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Phạm Kim N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013053 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên xem như chị N đã nộp xong tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Kim N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Lý Quan T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sâm

* ***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.